TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2020
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Út.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huệ Th, năm sinh 1988. (có mặt)
Địa chỉ: Hẻm 36/16, đường Ph, tổ T, khu phố B, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Hiếu E, sinh năm 1982. (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Huệ Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Hiếu E tự nguyện yêu thương nhau và kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2015. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, gặp nhau thường hay cự cải với nhau, tính tình ngày càng không hợp nhau. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Hiếu E.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Hiếu E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông Hiếu E. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không phải xem xét. Án phí: Buộc bà Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Văn Hiếu E đang cư trú tại khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Văn Hiếu E đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông Hiếu E đều vắng mặt, ngày 06/5/2020 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, ghi nhận ý kiến của bà Th. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/7/2020 nhưng bị đơn là ông Hiếu E vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 17/7/2020 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 34/202020/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2020, ông Hiếu E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2

nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Huệ Th và ông Nguyễn Văn Hiếu E kết hôn năm 2015, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2015. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bà Th vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông Hiếu E đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông Hiếu E đều vắng mặt, theo lời khai của ông Nguyễn Văn T là cha ruột của ông Hiếu E, ông Hiếu E có biết việc Tòa án thụ lý và triệu tập ông Hiếu E, nhưng bận công việc nên ông Hiếu E không thể đến Tòa, về việc Tòa án thụ lý đơn ly hôn của bà Th, ông không có ý kiến, vợ chồng bà Th, ông Hiếu E kết hôn chung sống với nhau được 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bà Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn chung sống cùng ông Hiếu E cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của bà Th, ông Hiếu E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Th đã về nhà cha mẹ ruột tại khu phố B, phường B sinh sống từ đầu năm 2016 cho đến nay. Qua xác minh của Tòa án tại địa phương cho thấy ông Hiếu E có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương, ông Hiếu E làm nghề đi ghe biển đánh bắt xa bờ 06 tháng mới vào 01 lần, bà Th thì không có sinh sống tại địa phương, mâu thuẫn gia đình của đương sự địa phương không rõ. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà Th, ông Hiếu E không còn chung sống từ năm đầu năm 2016 cho đến nay và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân của bà Th, ông Hiếu E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông Hiếu E.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Th trình bày không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, ông Hiếu E không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Th khởi kiện nên phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Huệ Th với ông Nguyễn Văn Hiếu E.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Th trình bày không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, ông Hiếu E không có ý kiến nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Huệ Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0004874 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà Th không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp H;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.